

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2025/HS-ST
Ngày: 24 - 3 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị KhT

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Vụ
Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thư ký TAND thành phố TH.

- Đại diện VKSND thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T1** (Tên gọi khác: không), sinh ngày: 06/8/1984; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú, chỗ ở: Số nhà 41 HN, phường ĐH, thành phố TH, tỉnh TH. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Nguyễn Văn Th1 (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L1; có vợ: Hoàng Thị S1 và 02 con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: Bản án số 31/2012/HSPT ngày 19/11/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Buộc bị T1 phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 98.388.000đ, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST, 4.919.000đ án phí DSST. T1 chưa thi hành án phí HSST, bồi thường cho bị hại Tiền sự: Ngày 10/5/2024, Công an thành phố TH xử phạt hành chính về hành vi “ném chất bẩn vào nhà ở của người khác”.

Nhân thân: Ngày 02/11/2006, Công an thành phố TH ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; Bản án 252/2017/HSST ngày 28/9/2017 Tòa án nhân dân thành phố TH 36 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bản án 145/2018/HS-ST ngày 19/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố TH xử 27 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp với 36 tháng tù của bản án 252/2017/HSST ngày 28/9/2017, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 57 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/12/2021. Đã thi hành xong án phí HSST, tiền phạt sung công quỹ nhà nước của các bản án 252/2017/HSST ngày 28/7/2017 và bản án

145/2018/HSST ngày 19/7/2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 28/12/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh TH – phân trại tạm giam khu vực thành phố TH. Có mặt.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trịnh Thị Xuân Th2, sinh năm 1990

Địa chỉ: SN 09/181 đường ThTh, phường ĐTh, thành phố TH, tỉnh TH

2. Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1984

Địa chỉ: 07/84 NgQ, phường ĐB, thành phố TH, tỉnh TH

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi nhận được đơn tố giác của quần chúng nhân dân về việc đối tượng Nguyễn Văn T1 có hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Ngày 19/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố TH đã T1 hành triệu tập, làm việc với Nguyễn Văn T1. Tại Cơ quan điều tra Công an thành phố TH, T1 đã đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Từ ngày 15/02/2024 đến ngày 27/10/2024, Nguyễn Văn T1 đã sử dụng tiền của mình cho nhiều người trên địa bàn thành phố TH vay tiền với lãi suất cao (từ 4.000 đồng đến 33.000đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng lãi suất từ 146% đến 1216,67%/năm, cao gấp từ 7,3 đến 60,8 lần lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định), khi cho vay T1 yêu cầu khách vay viết giấy vay tiền giao cho T1 giữ và yêu cầu khách cung cấp căn cước công dân để T1 kiểm tra thông tin rồi trả lại cho khách vay, cụ thể T1 đã cho các khách vay tiền như sau:

1. Ngày 25/9/2024, T1 cho chị Trịnh Thị Xuân Th, sinh năm 1990, trú tại số nhà 09/181 đường ThTh, phường ĐTh, thành phố TH vay Số tiền 100.000.000đ, lãi suất 4.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày (146%/ 1 năm), tương ứng 12.000.000đ/ 1 tháng (thu lãi theo tháng). Đến ngày 25/11/2024, sau khi vay được 02 tháng và trả 24.000.000 đồng tiền lãi thì chị Thuỷ xin kết thúc gói vay. Chị Th đã trả cho T1 số tiền gốc là 50.000.000đ, số tiền gốc chưa trả là 50.000.000 đồng. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/1 năm là: 3.287.671 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 20.712.328 đồng

2. Cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1984, trú tại 07/84 NgQ, phường ĐB, thành phố TH vay 14 gói vay, cụ thể:

- Gói thứ nhất: Ngày 15/02/2024, T1 cho chị Nh vay 60.000.000 đồng, T1 thu trước 12.000.000đ tiền lãi và yêu cầu chị NH2 trả gốc trong thời gian 50 ngày, mỗi ngày 1.200.000 đồng. Đến ngày 12/3/2024, NH2 trả được 27 ngày tiền gốc, tương ứng 32.400.000đ và xin đảo gói mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 887.671 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 11.112.328 đồng.

- Gói thứ 2: Ngày 12/03/2024, chị NH2 đảo gói thứ nhất thành gói thứ 2 với số tiền gốc 60.000.000 đồng. Do chị NH2 còn nợ 27.600.000đ tiền gốc của gói trước và bị thu 12.000.000đ tiền lãi của gói mới nên chị NH2 chỉ nhận 20.400.000 đồng. Đến ngày 29/3/2024, sau khi trả được 17 ngày tiền gốc, tương ứng 20.400.000 đồng thì chị NH2 đảo thành gói vay mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 558.904 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 11.441.095 đồng.

- Gói thứ 3: Ngày 29/03/2024, chị NH2 đảo gói thứ 2 thành gói thứ 3 với số tiền gốc là 120.000.000 đồng. T1 thu trước 24.000.000 đồng tiền lãi và 39.600.000 đồng tiền gốc còn nợ lại của gói thứ 2 nên chị NH2 chỉ được nhận 56.400.000 đồng. Đến ngày 14/5/2024, sau khi trả được 46 ngày tiền gốc, tương ứng 110.400.000 đồng thì chị NH2 đảo thành gói vay mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 3.024.658 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 20.975.342 đồng

- Gói thứ 4: Ngày 14/05/2024, chị NH2 đảo gói thứ 3 thành gói thứ 4 với số tiền gốc là 120.000.000đ. T1 thu trước 24.000.000đ tiền lãi và 9.600.000đ tiền gốc còn nợ lại của gói thứ 3 nên chị NH2 chỉ được nhận 86.400.000đ. Đến ngày 10/6/2024, sau khi trả được 27 ngày tiền gốc, tương ứng 64.800.000đ thì chị NH2 đảo thành gói vay mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 1.775.342 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 22.224.657 đồng•

- Gói thứ 5: Ngày 10/6/2024, chị NH2 đảo gói thứ 4 thành gói thứ 5 với số tiền gốc là 120.000.000đ. T1 thu trước 24.000.000đ tiền lãi và 55.200.000đ tiền gốc còn nợ lại của gói thứ 4 nên chị NH2 chỉ được nhận 40.800.000đ. Đến ngày 20/7/2024, sau khi trả được 40 ngày tiền gốc, tương ứng 96.000.000đ thì chị NH2 đảo thành gói vay mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 2.630.137 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 21.369.863 đồng.

- Gói thứ 6: Ngày 20/07/2024, chị NH2 đảo gói thứ 5 thành gói thứ 6 với số tiền gốc là 120.000.000đ. T1 thu trước 24.000.000đ tiền lãi và 24.000.000đ tiền gốc còn nợ lại của gói thứ 5 nên chị NH2 chỉ được nhận 72.000.000đ. Đến ngày 07/8/2024, sau khi trả được 18 ngày tiền gốc, tương ứng 43.200.000đ thì chị NH2 đảo thành gói vay mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 1.183.562 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 22.816.438 đồng

- Gói thứ 7: Ngày 07/08/2024, chị NH2 đảo gói thứ 6 thành gói thứ 7 với số tiền gốc là 120.000.000đ. T1 thu trước 24.000.000đ tiền lãi và 76.800.000 đồng tiền gốc của gói vay thứ 6 nên chị NH2 chỉ được nhận 19.200.000 đồng. Đến ngày 26/8/2024, sau khi trả được 19 ngày tiền gốc, tương ứng 45.600.000 đồng thì chị NH2 đảo thành gói vay mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/1 năm là: 1.249.315 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 22.750.684 đồng.

- Gói thứ 8: Ngày 26/08/2024, chị NH2 đảo gói thứ 7 thành gói thứ 8 với số tiền gốc là 120.000.000 đồng. T1 thu trước 24.000.000 đồng tiền lãi và 74.400.000 đồng tiền

gốc còn nợ lại của gói thứ 7 nên chị NH2 chỉ được nhận 21.600.000 đồng. Đến ngày 17/9/2024, sau khi trả được 22 ngày tiền gốc, tương ứng 52.800.000 đồng thì chị NH2 đảo thành gói vay mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 1.446.575 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 22.553.424 đồng.

- Gói thứ 9: Ngày 17/09/2024, chị NH2 đảo gói thứ 8 thành gói thứ 9 với số tiền gốc là 120.000.000 đồng. T1 thu trước 24.000.000 đồng tiền lãi và 67.200.000 đồng tiền gốc còn nợ lại của gói thứ 8 nên chị NH2 chỉ được nhận 28.800.000 đồng. Đến ngày 04/10/2024, sau khi trả được 17 ngày tiền gốc, tương ứng 40.800.000 đồng thì chị NH2 đảo thành gói vay mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 1.117.808 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 22.882.191 đồng.

- Gói thứ 10: Ngày 04/10/2024, chị NH2 đảo gói thứ 9 thành gói thứ 10 với số tiền gốc là 120.000.000 đồng. T1 thu trước 24.000.000 đồng tiền lãi và 79.200.000 đồng tiền gốc còn nợ lại của gói thứ 9 nên chị NH2 chỉ được nhận 16.800.000 đồng. Đến ngày 28/10/2024, sau khi trả được 23 ngày tiền gốc, tương ứng 55.200.000 đồng thì NH2 không tiếp tục trả gốc nên còn nợ lại 64.800.000 đồng. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 1.512.329 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 22.487.671 đồng.

- Gói thứ 11: Ngày 21/08/2024, chị NH2 vay gói mới 20.000.000 đồng của T1, T1 thu trước 4.000.000 đồng tiền lãi nên chị NH2 chỉ được nhận 16.000.000 đồng. Đến ngày 12/9/2024, sau khi trả được 23 ngày tiền gốc, tương ứng 9.200.000 đồng thì chị NH2 đảo thành gói vay mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 252.055 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 3.747.945 đồng.

- Gói thứ 12: Ngày 12/9/2024, chị NH2 đảo gói thứ 11 thành gói thứ 12 với số tiền gốc là 20.000.000 đồng. T1 thu trước 4.000.000 đồng tiền lãi và 10.800.000 đồng tiền gốc còn nợ lại của gói thứ 11 nên chị NH2 chỉ được nhận 5.200.000 đồng. Đến ngày 01/10/2024, sau khi trả được 19 ngày tiền gốc, tương ứng 7.600.000 đồng thì chị NH2 đảo thành gói mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 208.219 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 3.791.780 đồng.

- Gói thứ 13: Ngày 01/10/2024, chị NH2 đảo gói thứ 12 thành gói thứ 13 với số tiền gốc là 20.000.000 đồng. T1 thu trước 4.000.000 đồng tiền lãi và 12.400.000 đồng tiền gốc còn nợ lại của gói thứ 12 nên chị NH2 chỉ được nhận 3.600.000 đồng. Đến ngày 21/10/2024, sau khi trả được 20 ngày tiền gốc, tương ứng 8.000.000 đồng thì chị đảo thành gói mới. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 219.178 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 3.780.821 đồng.

Gói thứ 14: Ngày 21/10/2024, chị NH2 đảo gói thứ 13 thành gói thứ 14 với số tiền gốc là 30.000.000 đồng. T1 thu trước 6.000.000 đồng tiền lãi và 12.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại của gói thứ 13 nên chị NH2 chỉ được nhận 12.000.000 đồng. Đến ngày 27/10/2024, sau khi trả được 6 ngày tiền gốc, tương ứng 3.600.000 đồng thì NH2 không

tiếp tục trả gốc nên còn nợ **lại 26.400.000 đồng** tiền gốc. Số tiền lãi T1 được phép thu theo quy định 20%/ 1 năm là: 98.630 đồng, số tiền thu lợi bất chính là: 5.901.369 đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị Hồng NH2, T1 cho vay tổng cộng 14 gói thăm, trong đó có 02 gói vay 60.000.000 đồng, 8 gói vay 120.000.000 đồng, 3 gói vay 20.000.000 đồng và 01 gói vay 30.000.000 đồng với lãi suất từ 4.347 đồng/1 triệu/1 ngày đến 33.000 đồng /1 triệu/1 ngày, tương ứng với lãi suất từ 158,7%/1 năm đến 1216,67%/1 năm. Tổng số tiền lãi thu được của chị NH2 là 234.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi thu theo quy định 20%/1 năm là 16.164.383 đồng, số tiền thu lợi bất chính của chị NH2 là 217.835.616 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính mà T1 đã thu được của chị Th và chị NH2 vay là: 238.547.945 đồng

Tổng số tiền gốc chị NH2 còn nợ lại của T1 là **91.200.000 đồng**.

Ngày 19/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố TH T1 hành khám xét nơi ở đối với Nguyễn Văn T1 ở địa chỉ số nhà 41 HN, phường ĐH, thành phố TH. Kết quả: không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T1 đã tự giác giao nộp 02 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị Hồng NH2 và Trịnh Thị XTh1 được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Về bồi thường dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trịnh Thị XTh1, Nguyễn Thị Hồng NH2 yêu cầu Nguyễn Văn T1 phải trả lại số tiền lãi đã thu lợi bất chính.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1 đã đầu thú, thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập.

Cáo trạng số 103/CT-VKS ngày ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T1. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 47 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 Hiếu mức án tù: 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2024

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo mức từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ số tiền dùng vào việc phạm tội theo quy định và số tiền lãi thu lợi phát sinh từ tội phạm của bị cáo. Số tiền gốc bị cáo cho vay đã được người vay trả: 108.000.000đ; số tiền lãi 20%: 19.452.000 đồng (làm tròn)

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải trả lại số tiền thu lời bất chính đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ và liên quan số tiền là: 238.547.945 đồng (Số tiền bị cáo đã thu): Trong đó: chị Nguyễn Thị Hồng NH2: 217.835.616 đồng; chị Trịnh Thị Xuân Thủy: 20.712.328 đồng.

- Tịch thu số tiền gốc người vay còn nợ:

Chị Th1: 50.000.000 đồng.

Chị NH2: 91.200.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo luật định

Bị cáo Nguyễn Văn T1 không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố TH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo thống nhất với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về hành vi đã thực hiện, thời gian, địa điểm, vật chứng thu được và các chứng cứ khác phản ánh tại hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 15/02/2024 đến ngày 27/10/2024, Nguyễn Văn T1 đã sử dụng tiền của mình cho nhiều người trên địa bàn thành phố TH vay tiền với lãi suất cao (từ 4.000đồng đến 33.000đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng lãi suất từ 146% đến 1216,67%/năm, cao gấp từ 7,3 đến 60,8 lần lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định),. Tổng số tiền lãi T1 đã thu được là 258.000.000 đồng; trong đó: Số tiền lãi tính thu theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/1 năm) là 19.452.055 đồng; số tiền thu lợi bất chính đã thu được là 238.547.944 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vì háms lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay tiền để hưởng số tiền lãi vượt quá lãi suất mà pháp luật quy định. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi của bị cáo, nhận thấy bị cáo T1 nhiều lần bị xét xử, ngoài tiền án, nhân thân còn có 02 lần bị TAND thành phố TH xét xử về tội “Đánh bạc” bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, sửa đổi bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét đưa ra cho bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc và phù hợp với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành người công dân lương thiện.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về biện pháp tư pháp

- Đối với số tiền lãi vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm) là: 238.547.944 đồng mà bị cáo đã thu từ người vay là số tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo trả lại cho những người vay. Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng NH2 217.835.616 đồng; chị Trịnh Thị Xuân Thủy: 20.712.328 đồng

- Đối với số tiền gốc: Số tiền gốc Nguyễn Văn T1 sử dụng cho vay lấy lãi là 250.000.000đ là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Hiện nay một số người vay còn nợ tiền gốc của T1 nên cần truy thu để tịch thu số tiền còn nợ đó từ người vay, cụ thể: thu của chị Trịnh Thị Xuân Thủy: 50.000.000đ; thu của chị

Nguyễn Thị Hồng NH2: 91.200.000 đồng. Số tiền gốc người vay đã trả cho bị cáo cần truy thu để tịch thu từ bị cáo là: 108.800.000 đồng.

- Đối với số tiền lãi 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu: 19.452.055 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu từ bị cáo để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước;

Tổng số tiền tịch thu từ bị cáo là: **128.252.000 đồng**

[8] Về khấu trừ thu nhập: Do bị cáo lao động tự do không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của BLHS,

Điều 106; Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T1** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 **10 (mười)** tháng tù . Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2024.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T1 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm) cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Hồng NH2 217.835.616 đồng;

+ Trả cho chị Trịnh Thị Xuân Th: 20.712.328 đồng

- Truy thu để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền gốc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn nợ, cụ thể:

+ Thu của chị Trịnh Thị Xuân Th: 50.000.000đ;

+ Thu của chị Nguyễn Thị Hồng NH2: 91.200.000 đồng.

- Truy thu để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước từ bị cáo số tiền gốc người vay đã trả cho bị cáo: 108.800.000 đồng và số tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu: 19.452.055 đồng. Tổng số tiền phải truy thu từ bị cáo là: 128.252.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng

tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố TH;
- VKSND tỉnh TH;
- TAND tỉnh TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;
- Văn phòng CSĐT công an tỉnh TH;
- Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Thị KT